

## **ĐÁNH GIÁ SỰ PHÂN BỐ, ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH CỦA GÀ LÔNG XƯỚC TẠI TỈNH HÀ GIANG**

*Lê Minh, Nguyễn Hưng Quang, Hồ Thị Bích Ngọc và Trần Thị Hoan*

**Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên**

Tác giả liên hệ: Lê Minh, Tel: 0989. 537442; Email: leminh@tuaf.edu.vn

### **TÓM TẮT**

Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá được sự phân bố, đặc điểm ngoại hình của gà Lông Xước tại tỉnh Hà Giang, từ đó có cơ sở cho việc chọn lọc gà Lông Xước có đặc điểm ngoại hình đặc trưng phục vụ cho việc khai thác, phát triển nguồn gen giống gà này. Điều tra trên 216 hộ nuôi gà Lông Xước tại 4 xã vùng cao của tỉnh Hà Giang (Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc) thấy: với quy mô  $\geq 10 - 20$ /hộ được nuôi phổ biến nhất (43,06%), tiếp đến là quy mô  $< 10$  con/hộ (32,87%), quy mô  $> 20 - 30$  con/hộ chiếm 22,22%; chỉ có 1,85% nuôi với quy mô  $\geq 30$  con/hộ; phương thức nuôi chủ yếu là chăn thả/thả vườn (97,37%), có chuồng nuôi (88,43%) với nguyên liệu làm chuồng là tre, nứa (78,53%); nguồn thức ăn nuôi gà Lông Xước chủ yếu là từ nguồn tự có trong sản xuất nông nghiệp: ngô vỡ, thóc, cám gạo (93,06%), rất ít (6,48%) hộ gia đình sử dụng thức ăn hỗn hợp trộn cùng thức ăn tự có (ngô vỡ, thóc) và chỉ có 0,46% hộ sử dụng thức ăn hỗn hợp chăn nuôi gà Lông Xước. Gà Lông Xước trưởng thành có đặc điểm ngoại hình cơ bản: con trống có lông vùng đầu, cổ vàng đậm, lưng, ngực đỏ tía, đuôi đen (79,69%), con mái có lông màu lá chuối khô (79,45%), số còn lại có lông màu vàng nhạt, trắng tuyền, đen tuyền, pha tạp. Kiểu lông của gà trống và gà mái đều xước ngược toàn thân. Hầu hết gà trống và gà mái đều có kiểu mào cờ (85,94% và 83,56%) với màu đỏ tươi là chính (87,50% và 91,78%). Da chân gà Lông Xước có màu chì, số ít có màu trắng.

**Từ khóa:** *gà Lông Xước, hộ gia đình, ngoại hình, mào, thức ăn.*

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Việt Nam là một quốc gia có ngành chăn nuôi khá phát triển, trong đó có chăn nuôi gia cầm. Với lợi thế về nguồn thức ăn, thảm thực vật phong phú, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng trong phát triển các giống gà bản địa cho ra các sản phẩm trứng, thịt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Theo Thông tư số 01/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2018 của Bộ NN&PTNT, nước ta có 18 giống gà bản địa như: Ri, Mía, Hồ, Đông Tảo, Tàu vàng, Tre, Chọi, Tè, Ác, H'Mông, nhiều cựa Phú Thọ, Tiên Yên, Ri Ninh Hòa, Lạc Thủy, Móng, Lông Xước, H're, Liên Minh. Các giống gà bản địa Việt Nam có chất lượng thịt và trứng thơm ngon, tự kiếm ăn tốt, thích ứng với điều kiện chăn thả của các vùng sinh thái khác nhau. Ngày nay, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng tăng thì khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt của các giống gà bản địa ngày càng đóng vai trò quan trọng. Một thực trạng đang hiện hữu tại nhiều địa phương trong cả nước là nhiều giống vật nuôi bản địa đang dần rơi vào nguy cơ tuyệt chủng, mặc dù các giống vật nuôi bản địa tuy năng suất không cao nhưng mang nhiều đặc điểm quý như: chất lượng thịt thơm ngon, khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt tốt hơn các giống vật nuôi đã được lai tạo.

Trong số các giống gà bản địa, gà Lông Xước phân bố tại các huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang được đánh giá là giống gà có nhiều đặc tính quý như: giai đoạn trưởng thành con mái chủ yếu có lông màu lá chuối khô, con trống có màu đỏ tía, cả con trống và con mái lông toàn thân xước ngược như lông nhím, không ôm sát thân; hình dáng thon, nhỏ, nhanh nhen, chắc khỏe, chất lượng thịt thơm ngon, da giòn, xương mềm, có khả năng chịu đựng thời tiết khắc nghiệt ở vùng núi cao; mỗi năm một gà mái có thể đẻ 50 - 60 quả trứng (Phạm Văn Vinh, 2009). Tuy nhiên, hiện nay giống gà này chưa được quản lý tốt về nguồn gen, đã xuất hiện hiện tượng pha tạp với các giống gà khác và đang làm mất dần đi các đặc tính quý.

Mặc dù trước đây đã có báo cáo bước đầu về kết quả bảo tồn gà Lông Xước tại huyện Mèo Vạc - tỉnh Hà Giang. Báo cáo cho biết, gà Lông Xước được nuôi tập trung chủ yếu tại các huyện vùng cao núi đá, nhiều nhất ở các huyện Đông Văn (16,38%) và Mèo Vạc (11,80%), gà có bộ lông xước ngược toàn thân, trọng lượng cơ thể là 1,4 - 1,6 kg/mái và 1,0 - 2,1 kg/trống (Hoàng Thanh Hải, 2007). Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nghiên cứu đầy đủ về sự phân bố, đặc điểm ngoại hình của giống gà này tại các huyện của tỉnh Hà Giang. Để có cơ sở cho việc nghiên cứu chọn lọc, khai thác và phát triển, chúng tôi đã tiến hành điều tra và đánh giá sự phân bố, đặc điểm ngoại hình của gà Lông Xước tại tỉnh Hà Giang.

## VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Vật liệu nghiên cứu

Gà Lông Xước các lứa tuổi nuôi tại các nông hộ tại điểm điều tra

### Thời gian và địa điểm nghiên cứu

*Thời gian nghiên cứu:* Từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018

*Địa điểm nghiên cứu:* 4 huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang: Quản Bạ, Yên Minh, Đông Văn, Mèo Vạc.

### Nội dung nghiên cứu

Đánh giá sự phân bố và cơ cấu gà Lông Xước tại các huyện điều tra.

Đánh giá thực trạng chăn nuôi gà Lông Xước tại các huyện điều tra.

Đánh giá một số đặc điểm ngoại hình gà Lông Xước tại các huyện điều tra.

### Phương pháp nghiên cứu

Điều tra sự phân bố, hiện trạng tình hình chăn nuôi gà Lông Xước được đánh giá thông qua phiếu điều tra trực tiếp và phỏng vấn tại 216 hộ chăn nuôi thuộc 04 huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang (qua khảo sát sơ bộ), trong đó: huyện Quản Bạ: 54 hộ, huyện Yên Minh: 54 hộ, huyện Đông Văn: 55 hộ, huyện Mèo Vạc: 53 hộ. Các chỉ tiêu điều tra bao gồm: quy mô chăn nuôi, phương thức và chuồng trại chăn nuôi, nguồn thức ăn sử dụng trong chăn nuôi,...

Đặc điểm ngoại hình được thực hiện thông qua việc quan sát trực tiếp, mô tả hình thái và chụp ảnh các cá thể gà Lông Xước trưởng thành tại các huyện của tỉnh Hà Giang. Các chỉ tiêu theo dõi đặc điểm ngoại hình gồm có: cấu trúc và màu sắc lông, kiểu mào, màu sắc mào, màu chân,...

### Xử lý số liệu

Số liệu thu thập được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học trên phần mềm Excel, 2019.

## KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### Sự phân bố và cơ cấu đàn gà Lông Xước tại các huyện điều tra

Kết quả Bảng 1 cho thấy, qua điều tra sơ bộ gà Lông Xước được phân bố chủ yếu ở 4 huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang: Quản Bạ, Yên Minh, Đông Văn, Mèo Vạc. Tỷ lệ xuất hiện gà Lông Xước tại 4 huyện vùng cao thấp (chiếm 0,42% trong tổng số gà nuôi), trong đó huyện Đông Văn có tỷ lệ gà Lông Xước phân bố nhiều nhất (0,64%), tiếp đến là huyện Quản Bạ (0,44%), Mèo Vạc (0,41%) và thấp nhất là huyện Yên Minh (0,23%).

Bảng 1. Sự phân bố và cơ cấu gà Lông Xước tại các huyện điều tra của tỉnh Hà Giang

STT	Địa điểm (huyện)	Số gia cầm các loại <sup>(1)</sup> (con)	Số gà <sup>(1)</sup> (con)	Gà Lông Xước <sup>(2)</sup> (con)
1.	Quản Bạ	199.000	150.100	658 (0,44%)
2.	Yên Minh	323.000	248.900	572 (0,23%)
3.	Đồng Văn	231.200	192.600	1.236 (0,64%)
4.	Mèo Vạc	293.400	231.900	961 (0,41%)
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.046.600</b>	<b>823.500</b>	<b>3.427 (0,42%)</b>

(Nguồn: (1) - Niên giám thống kê 2017; (2) - Số liệu điều tra)

Qua điều tra thực tế chúng tôi thấy, người dân tại 4 huyện chủ yếu nuôi các giống gà bản địa như: Ri, Mông và một số giống gà lông màu thương phẩm; chưa quan tâm đến phát triển gà Lông Xước mặc dù chúng có nhiều đặc điểm quý và có giá trị kinh tế. Tình trạng nuôi chung gà Lông Xước với các giống gà khác đã xuất hiện khá phổ biến tại nhiều nông hộ; chỉ có một số ít được hộ gia đình chọn lọc nuôi tách riêng. Chính điều này dẫn tới hiện tượng pha tạp, không còn giữ được những đặc tính quý của giống gà Lông Xước thuần chủng.

Từ kết quả này, chúng tôi có đề xuất cần thiết phải đánh giá, nghiên cứu chọn lọc để bảo tồn, khai thác và phát triển có hiệu quả giống gà Lông Xước tại tỉnh Hà Giang - một giống gà được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đưa vào Nghị quyết số 187/NQ-HĐND về việc thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó có tập trung bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ các nguồn gen động vật quý hiếm, gen động vật đặc sản.

### Thực trạng chăn nuôi gà Lông Xước tại các huyện điều tra

#### Quy mô nuôi gà Lông Xước

Bảng 2. Quy mô nuôi gà Lông Xước tại các hộ điều tra

Địa điểm (huyện)	Số hộ điều tra (hộ)	Mật độ nuôi (con/hộ)							
		< 10		≥ 10 - 20		> 20 - 30		> 30	
		n	%	n	%	n	%	n	%
Quản Bạ	54	18	33,33	26	48,15	10	18,52	0	0,00
Yên Minh	54	21	38,89	22	40,74	11	20,37	0	0,00
Đồng Văn	55	15	27,27	24	43,64	13	23,64	3	5,45
Mèo Vạc	53	17	32,08	21	39,62	14	26,42	1	1,88
<b>Tính chung</b>	<b>216</b>	<b>71</b>	<b>32,87</b>	<b>93</b>	<b>43,06</b>	<b>48</b>	<b>22,22</b>	<b>4</b>	<b>1,85</b>

Kết quả điều tra tại Bảng 2 cho thấy, trong 216 hộ nuôi gà Lông Xước tại 4 huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang có 32,87% hộ nuôi với quy mô nuôi dưới 10 con/hộ, 43,06% hộ nuôi với quy mô 10 - 20 con/hộ, 22,22% hộ nuôi với quy mô trên 20 - 30 con/hộ và chỉ có 1,85% hộ nuôi với quy mô trên 30 con/hộ. Qua điều tra phỏng vấn tại các hộ gia đình thấy, với các quy mô nuôi khác nhau đều xuất hiện gà ở các lứa tuổi khác nhau, tuy nhiên phổ biến nhất vẫn là gà sinh sản đã được nuôi trong thời gian 3 - 4 năm, sản lượng trứng tương đối tốt (60 - 70 trứng/mái/năm), tỷ lệ ấp nở và nuôi sống tương đối cao (85 - 90%); số ít là gà con giai đoạn 1 - 9 tuần tuổi. Thực tế cho thấy, người dân thường chọn lọc những gà trống, gà mái có đặc

điểm ngoại hình nổi trội, khả năng sinh sản tốt giữ làm con giống phục vụ cho công tác nhân giống và giữ đàn.

Thực tế này hoàn toàn phù hợp với nhận xét của Moula và cs. (2011) khi nghiên cứu trên đàn gà Ri: gà sinh sản được giữ lại để đẻ trong giai đoạn 3 - 5 năm.

**Phương thức và chuồng trại chăn nuôi gà Lông Xước**

Bảng 3. Phương thức và chuồng trại chăn nuôi gà Lông Xước tại các huyện điều tra

<b>Diễn giải</b>	<b>Địa điểm (huyện)</b>	<b>Quản Bạ (n = 54)</b>	<b>Yên Minh (n = 54)</b>	<b>Đông Văn (n = 55)</b>	<b>Mèo Vạc (n = 53)</b>	<b>Tổng cộng</b>
Nuôi nhốt	Số lượng (hộ)	0	0	1	0	<b>1</b>
	Tỷ lệ (%)	0,0	0,0	1,82	0,0	<b>0,46</b>
Bán chăn thả	Số lượng (hộ)	0	2	5	2	<b>9</b>
	Tỷ lệ (%)	0,0	3,70	9,09	3,77	<b>4,17</b>
Thả vườn	Số lượng (hộ)	54	52	49	51	<b>206</b>
	Tỷ lệ (%)	100	96,30	94,00	96,23	<b>95,37</b>
Có chuồng	Số lượng (hộ)	49	45	47	50	<b>191</b>
	Tỷ lệ (%)	90,74	83,33	85,45	94,34	<b>88,43</b>
Không có chuồng	Số lượng (hộ)	5	9	8	3	<b>25</b>
	Tỷ lệ (%)	9,26	16,67	17,02	5,66	<b>11,57</b>
Vật liệu tre, nứa	Số lượng (hộ)	38	36	33	43	<b>150</b>
	Tỷ lệ (%)	77,55	80,00	70,21	86,00	<b>78,53</b>
Khác	Số lượng (hộ)	11	09	14	07	<b>41</b>
	Tỷ lệ (%)	22,45	20,00	29,79	14,00	<b>21,46</b>

Kết quả Bảng 3 cho thấy:

Về phương thức chăn nuôi: Người dân tại 4 huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang chủ yếu lựa chọn phương thức nuôi chăn thả tự nhiên/thả vườn (chiếm 97,37%), giảm xuống 4,17% ở hình thức nuôi bán chăn thả và chỉ có 0,46% nuôi theo phương thức nuôi nhốt. Qua quá trình khảo sát thực tế chúng tôi thấy, hầu hết các hộ gia đình thường tận dụng diện tích vườn xung quanh nhà để chăn thả gà, ngoài bữa ăn chính gà tự kiếm thêm thức ăn từ tự nhiên.

Về chuồng trại chăn nuôi: Trong tổng số 216 hộ điều tra, có 88,43% số hộ có hệ thống chuồng nuôi gà Lông Xước, trong đó huyện Mèo Vạc có số hộ làm chuồng cao nhất (94,34%), tiếp đến là huyện Quản Bạ (90,74%), Đông Văn (85,45%) và thấp nhất là huyện Yên Minh (83,33%). Chỉ có 11,57% số hộ không làm chuồng nuôi gà.

Theo Moula và cs. (2011), hầu hết các giống gà địa phương đều được chăn thả tự do vào ban ngày và được nuôi nhốt trong chuồng trại thô sơ vào ban đêm. Như vậy, cách thức chăn nuôi của người dân tại huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang tương đồng với nhận xét của Moula và cs. (2011), gà Lông Xước được người dân nuôi chủ yếu theo hình thức nuôi chăn thả tự do, chuồng trại được sử dụng để gà ngủ đêm.

Nguyên vật liệu được người dân sử dụng làm chuồng chủ yếu là tre, nứa (chiếm 78,53%), hình thức làm chuồng bằng cách đặt cột trụ bằng tre, mái lợp bằng nứa và lá cọ; có 21,46% số hộ điều tra làm chuồng bằng các nguyên liệu khác như: xây tường gạch, mái bằng tấm lợp pro xi măng hoặc xây trụ gạch, quây lưới thép xung quanh, mái bằng tấm lợp pro xi măng.

Từ kết quả Bảng 3, chúng tôi có nhận xét: Người dân thuộc 4 xã vùng cao của tỉnh Hà Giang còn chưa quan tâm nhiều đến hệ thống chuồng trại trong chăn nuôi gà Lông Xước: chuồng trại sơ sài, ẩm thấp, chủ yếu là chỗ tránh mưa, tránh gió, ngủ đêm cho gà. Điều này phần nào sẽ làm ảnh hưởng công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gà. Lý do cơ bản theo chúng tôi được biết là do: trình độ dân trí của người dân còn thấp, việc tiếp cận với kiến thức khoa học kỹ thuật của người dân trong chăn nuôi còn hạn chế, chưa có sự quan tâm, đầu tư trong phát triển kinh tế từ con gà Lông Xước.

### **Thức ăn sử dụng trong chăn nuôi gà Lông Xước**

Bảng 4. Thức ăn sử dụng trong chăn nuôi gà Lông Xước tại các huyện điều tra

Địa điểm (huyện)	Số hộ điều tra (hộ)	Phương thức sử dụng thức ăn					
		Thức ăn hỗn hợp		Thức ăn tự có (ngô vỡ, cám gạo/thóc)		Thức ăn hỗn hợp kết hợp thức ăn tự có (cám gạo, ngô)	
		n	%	n	%	n	%
Quản Bạ	54	0	0,00	51	94,44	3	5,56
Yên Minh	54	0	0,00	50	92,59	4	7,41
Đồng Văn	55	1	1,82	48	87,27	6	10,91
Mèo Vạc	53	0	0,00	52	98,11	1	1,89
<b>Tính chung</b>	<b>216</b>	<b>1</b>	<b>0,46</b>	<b>201</b>	<b>93,06</b>	<b>14</b>	<b>6,48</b>

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các hộ chăn nuôi đều sử dụng thức ăn là các loại nguyên liệu được gia đình tự sản xuất trong chăn nuôi gà Lông Xước như: ngô vỡ, cám gạo hoặc thóc (chiếm 93,06%, biến động từ 87,27% - 98,11%), số ít sử dụng thức ăn hỗn hợp kết hợp với thức ăn tự có (ngô, cám gạo) (6,48%, biến động từ 1,89% - 10,91%); chỉ có 0,46% số hộ sử dụng thức ăn hỗn hợp trong chăn nuôi gà Lông Xước.

Thực tế cho thấy, tại các huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang, diện tích đất sản xuất nông nghiệp khá lớn, người dân thường tập trung trồng lúa, ngô. Sau mỗi vụ thu hoạch, toàn bộ lúa, ngô được phơi khô dự trữ, một phần để phục vụ cho cuộc sống hằng ngày, một phần được sử dụng chăn nuôi; ngoài ra hệ thống cửa hàng thức ăn chăn nuôi rất ít và cách xa các hộ chăn nuôi gà nên người dân chưa quan tâm đến việc cung cấp thức ăn hỗn hợp cho gà. Với hình thức sử dụng thức ăn tự có kết hợp với chăn thả tự do nên gà thường có thói quen tìm kiếm thêm nguồn thức ăn xanh là các loại cây cỏ, các loại côn trùng, giun ở ngoài tự nhiên để bổ sung thêm loại thức ăn trong khẩu phần. Số bữa ăn chính trong ngày thường là 2: sáng và chiều, người dân thường sử dụng hình thức vãi ngô vỡ, thóc cho gà ăn tự do.

Quan sát đặc điểm ngoại hình của gà Lông Xước nuôi tại các nông hộ thấy cơ thể gà trưởng thành chắc, khỏe, nhanh nhẹn, hình thức đẹp, khả năng đề kháng tốt. Điều đó cho thấy với nguồn thức ăn tự có kết hợp với thức ăn tìm kiếm thêm trong tự nhiên, người dân đã giảm được chi phí đầu tư cho chăn nuôi gà Lông Xước nhưng vẫn đạt được năng suất và hiệu quả trong chăn nuôi.

### **Một số đặc điểm ngoại hình gà Lông Xước tại các huyện điều tra**

Kết quả điều tra cho thấy, gà con Lông Xước lúc 01 ngày tuổi chủ yếu có lông màu vàng nâu, có 2 sọc nâu đậm dọc từ đầu đến lưng; số ít có màu lông xám hoặc đen tuyền hoặc trắng

tuyền; dáng đi nhanh nhẹn; mắt sáng tinh nhanh; chân có màu chì, mỏ màu vàng đen; lông Xước không rõ ràng.

Quan sát trực tiếp 64 gà trống và 73 gà mái Lông Xước trưởng thành được nuôi tại các hộ điều tra, chúng tôi thu được kết quả về đặc điểm ngoại hình cơ bản như sau:

Bảng 5. Đặc điểm ngoại hình của gà Lông Xước trưởng thành tại các huyện điều tra

Đặc điểm ngoại hình	Trống (n = 64)		Mái (n = 73)	
	n	%	n	%
Vùng đầu và cổ màu vàng đậm	51	79,69		
Lưng, ngực màu đỏ tía				
Đuôi đen				
Màu lông			58	79,45
Lá chuối khô				
Vàng nhạt	2	3,12	5	6,85
Vàng nâu			3	4,11
Trắng tuyền	4	6,25	2	2,74
Đen tuyền			3	4,11
Pha tạp (trắng, đen, đỏ)	7	10,94	2	2,74
Kiểu lông				
Xước ngược	64	100	73	100
Kiểu mào				
Cờ	55	85,94	61	83,56
Hoa hồng	4	6,25	7	9,59
Hạt đậu	2	3,12	3	4,11
Khác	3	4,69	2	2,74
Màu sắc mào				
Đỏ tươi	56	87,50	67	91,78
Đen tím	8	12,50	6	8,22
Màu chân				
Chì	51	79,69	62	84,93
Trắng	13	20,31	11	15,07



Gà trống Lông Xước



Gà mái Lông Xước

Gà Lông Xước trưởng thành tại các địa điểm điều tra có sự khác biệt nhau về màu sắc lông giữa con trống và con mái. Con trống đa số có đặc điểm: vùng đầu và cổ màu vàng đậm, lưng, ngực màu đỏ tía, đuôi đen (chiếm 79,69%), có 6,25% màu trắng tuyền, 3,12% có màu vàng nhạt và 10,94% có màu lông pha tạp giữa các màu: trắng, đen, đỏ. Con mái có màu lông chủ đạo là lá chuối khô (79,45%), ngoài ra xuất hiện một số màu lông khác như: vàng nhạt

(6,85%), vàng nâu (4,11%), đen tuyền (4,11%), trắng tuyền (2,74%), pha tạp (2,74%). Kiểu lông của các gà trống và gà mái đều là xước ngược toàn thân (100%).

Mào cờ là kiểu mào chiếm ưu thế trong các kiểu mào ở cả con trống và con mái (85,94% và 83,56%), tiếp đến là kiểu mào hoa hồng (6,25% và 9,59%), có 3,12% - 4,11% gà có kiểu mào hạt đậu, còn lại là các kiểu mào khác. Hầu hết (87,50% - 91,78%) mào gà có màu đỏ tươi, số ít (8,22% - 12,50%) mào có màu đen tím.

Da chân của gà Lông Xước có màu chì (đen) là chủ yếu (79,69% ở con trống và 84,93% ở con mái).

Nghiên cứu trên một số đối tượng gà bản địa tại một số địa phương, các tác giả cho biết:

Gà Ri lúc 20 tuần tuổi con trống dáng chắc khỏe, mào, tích phát triển, quanh cổ xuất hiện lông cườm vàng óng, chân có hai hàng vẩy rõ, chân và mỏ màu vàng; con mái thân hình thon nhỏ, đầu nhỏ, mào đơn, dái tai phát triển, lông toàn thân màu vàng rom điểm những lông đen đầu cánh và chót đuôi (Nguyễn Huy Đạt và cs., 2006). Gà Ri có nhiều màu lông như vàng, hoa mơ, trắng, đỏ tía, ..., tuy nhiên phổ biến ở gà mái là màu vàng sẫm hoặc màu vàng nhạt, còn gà trống có màu đỏ tía; mào cờ là chủ yếu (Nguyễn Chí Thành và cs., 2009).

Gà Hồ lúc 20 tuần tuổi, con mái có màu lông nâu nhạt, con trống có màu đen đỏ, mào nụ, chân vàng, mỏ vàng (Hồ Xuân Tùng và cs., 2009).

Gà Liên Minh lúc 30 tuần tuổi con trống có màu lông đỏ tía ở cổ, lưng và cánh, phần bụng có màu vàng rom, phần lông đuôi và một số lông cánh có màu đen ánh xanh; gà mái lông màu vàng rom, phần lông đuôi và một số lông cánh màu đen, vùng cổ tiếp giáp với thân ở một số con có đốm đen hoa mơ; cả gà trống và gà mái da chân, mỏ đều vàng đậm (Trịnh Phú Cử và cs., 2012).

Gà lông cầm trường thành có chùm lông đặc trưng ở cằm, ở con trống có hai màu cơ bản là màu đỏ tía và màu đỏ nâu, con mái có màu vàng rom và màu vàng nâu. Cả con trống và con mái đều có kiểu mào cờ là chủ yếu. Mào mắt nâu chiếm tỷ lệ cao nhất. Mỏ có màu vàng nghệ. Dái tai màu đỏ. Da chân màu vàng và vàng nhạt. Gà trống và gà mái có chùm lông ở cằm màu đen hoặc màu lông cơ thể (Nguyễn Bá Mùi và cs., 2012).

Gà nhiều ngón, con trống chủ yếu có màu nâu đỏ, con mái có màu vàng nâu và nâu sậm; mào gà chủ yếu là mào đơn. Hầu hết gà trống có 6 - 8 ngón, gà mái có 5 - 7 ngón (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2016).

Gà Tiên Yên lúc 38 tuần tuổi con trống chủ yếu có màu đen ánh đồng (71,8%), 80% gà mái có màu vàng sáng; 90% gà có chùm lông cầm và chỉ có 10% có chùm lông đầu (Nguyễn Đình Tiến và cs., 2020).

Nghiên cứu đặc điểm ngoại hình của gà Bang Trới, Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2020) cho biết, lúc 20 tuần tuổi, gà trống màu vàng cánh gián chiếm 65%, màu pha đen 20% và hoa mơ 10%, 25% có lông đầu và lông cầm, có màu lông sặc sỡ nhiều màu nhất là vùng lông cổ, lông đuôi; gà mái có lông màu xám chiếm 60%, màu vàng 15% và hoa mơ 20%, thường có các đốm đen ở đây, cánh, cổ. Gà có mào đơn là chính, da vàng, chân thấp và nhỏ.

Theo dõi đặc điểm ngoại hình gà Kiến hạt nhân thể hệ chọn lọc thứ 3 lúc 20 tuần tuổi thấy, con trống có màu lông cơ bản là tía đỏ, lông cườm quanh cổ có màu đỏ tía; con mái có 2 màu lông cơ bản là vàng và vàng nâu đốm đen; chân, da vàng, mào đơn răng cưa, tích tai đỏ (Trần Thúy An và cs., 2020).

Nguyễn Hoàng Thịnh và Nguyễn Thị Châu Giang (2020) nghiên cứu đặc điểm ngoại hình của gà Lạc Thủy nuôi trong nông hộ có nhận xét: gà Lạc Thủy có nhiều đặc điểm tương đồng với gà Mía Sơn Tây, gà trống trưởng thành có lông cổ và lông phủ trên lưng màu đỏ tía, lông cánh, lông ngực và lông hai bên thân màu đỏ mận, lông đuôi màu đen đỏ hơi ánh xanh; gà mái có 87,64% có bộ lông màu nâu, 100% có lông cổ màu nâu đậm.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu của chúng tôi về đặc điểm ngoại hình của gà Lông Xước với các kết quả nghiên cứu của các tác giả, có thể thấy rằng, các giống gà địa phương có đặc điểm ngoại hình gần giống nhau, tuy nhiên mỗi giống gà vẫn có đặc điểm đặc trưng để nhận biết. Đặc điểm đặc trưng của gà Lông Xước là lông ở phần thân cơ thể xước ngược, chính vì vậy người dân địa phương gọi loại gà này là gà Lông Xước.

## KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### Kết luận

Gà Lông Xước phân bố ở các điểm điều tra là Quán Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc của tỉnh Hà Giang với cơ cấu rất thấp (0,23% - 0,64%), số hộ nuôi với quy mô <10 - 20 con/hộ chiếm nhiều nhất (75,93%); hình thức nuôi chăn thả tự do được người dân áp dụng phổ biến (97,37%), có chuồng nuôi là bằng vật liệu tre, nứa; 93,06% số hộ sử dụng nguồn thức ăn tự có, gồm: ngô vỡ, thóc, cám gạo để chăn nuôi gà Lông Xước.

Gà Lông Xước có bộ Lông Xước ngược toàn thân, con trống lông vùng đầu, cổ có màu vàng đậm, lưng, ngực màu đỏ tía, đuôi đen chiếm ưu thế (79,69%), con mái có lông màu lá chuối khô (79,45%). Gà trống và gà mái chủ yếu có kiểu mào cờ (85,94% và 83,56%), màu đỏ tươi (87,50% và 91,78%). Gà có chân màu chì.

### Đề nghị

Chọn lọc gà Lông Xước với các đặc điểm ngoại hình đặc trưng để giữ làm con giống phục vụ cho công tác khai thác và phát triển.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

- Trần Thúy An, Dương Trí Tuấn và Nguyễn Thị Mười. 2020. Đặc điểm ngoại hình và sức sản xuất của gà Kiến hạt nhân thế hệ chọn lọc thứ 3. Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi, số 259, tháng 9, tr. 13 - 17.
- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thông tư số 01/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2018 của Bộ NN&PTNT ban hành danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.
- Cục thống kê tỉnh Hà Giang. 2018. Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang năm 2017.
- Trịnh Phú Cừ, Hồ Xuân Tùng, Vũ Văn Liệu và Nguyễn Thị Nga. 2012. Báo cáo đánh giá sơ bộ nguồn gen gà Liên Minh. Hội nghị bảo tồn nguồn gen vật nuôi 2012 - 2012, Viện Chăn nuôi, Tr. 219 - 234.
- Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng và Hồ Xuân Tùng. 2006. Nghiên cứu chọn tạo nâng cao năng suất gà Ri vàng rom. Báo cáo khoa học năm 2005, Phần nghiên cứu giống vật nuôi của Viện Chăn nuôi, Hà Nội, 8/2006, tr. 203 - 213.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 07/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Nguyễn Bá Mùi, Nguyễn Chí Thành, Lê Anh Đức và Nguyễn Bá Hiếu. 2012. Đặc điểm ngoại hình và khả năng cho thịt của gà địa phương lông cảm tại Lục Ngạn, Bắc Giang. Tạp chí Khoa học và phát triển, tập 10, số 7, Tr. 978 - 985.



- Nguyễn Chí Thành, Lê Thị Thúy, Đặng Vũ Bình và Trần Thị Kim Anh. 2009. Đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của 3 giống gà địa phương: gà Hồ, gà Đông Tảo và gà Mía, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi, số 4, tr. 2 - 10.
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng, Vũ Thị Thúy Hằng, Hoàng Anh Tuấn và Bùi Hữu Đoàn. 2016. Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng Quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tạp chí khoa học và phát triển, tập 14, số 1, Tr. 9 - 20.
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Vinh, Phan Thanh Lâm, Mai Thị Thanh Nga và Bùi Hữu Đoàn. 2020. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Bang Trời. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp, Việt Nam. 18 (10), Tr. 812-819.
- Nguyễn Hoàng Thịnh và Nguyễn Thị Châu Giang. 2020. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất và chất lượng thịt của gà Lạc Thủy nuôi trong nông hộ. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi, số 256, tháng 4, Tr. 8 - 13)
- Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Công Oánh, Nguyễn Văn Duy và Vũ Đình Tôn. 2020. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Tiên Yên. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp, Việt Nam, 18 (6), Tr. 423 - 433.
- Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Văn Đông, Vũ Chí Thiện và Nguyễn Thị Thu Hiền. 2009. Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, sinh sản của 3 giống gà Hồ, Mía và Móng (Tiên Phong) tại trại thực nghiệm Liên Ninh. Báo cáo khoa học năm 2008 - Phân di truyền - Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi, tr. 286 - 295.
- Phạm Văn Vinh. 2009. Kết quả thực hiện mô hình bảo tồn giống gà Long Xước tại huyện Mèo Vạc – Hà Giang, Báo cáo kết quả bảo tồn nguồn gen vật nuôi, Hà Nội, 12/2009, tr. 256-270.

#### **Tiếng nước ngoài**

- Moula, M., Luc, D. D., Dang, P. K., Farnir, F., Ton, V. D., Binh, D. V., Leroy, P. and Antoine-Moussiaux, N. 2011. The Ri chicken breed and livelihoods in North Viet Nam: characterisation and prospects. Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics, 112 (1), pp. 57 – 69.

### **ABSTRACT**

#### **Assessment of distribution and appearance characteristics of Long Xuoc chicken in Ha Giang province**

The objective of the study is to evaluate the distribution and appearance characteristics of Long Xuoc chickens in Ha Giang province, thereby having a basis for selecting Long Xuoc chickens with specific appearance characteristics for the purpose of breeding exploit and develop genetic resources of this chicken breed. Survey on 216 households raising Long Xuoc chickens in 4 upland communes (Quan Ba, Yen Minh, Dong Van, Meo Vac) found that: scale  $\geq 10$ -20 chickens/household was most commonly raised (43.06%), followed by size  $<10$  chickens/household (32.87%),  $> 20$ -30 chickens/household accounting for 22.22%; Only 1.85% raise with the scale  $\geq 30$  chickens/household; The main method of raising is grazing (97.37%), with cages (88.43%) with materials for making cages is bamboo and neohouzeaua (78.53%); The source of food for Long Xuoc chickens is mainly from agricultural production: broken corn, paddy, rice bran (93.06%), very few (6.48%) households use mixed feed with home-made feed (broken corn, paddy) and only 0.46% of households use mixed feed for scratched chicken. Adult Long Xuoc chickens have basic physical characteristics: The male has dark yellow head, neck, back, chest purple, black tail (79.69%), female has dry banana leaf color (79.45%), the rest has light yellow hair, white, black, mixed. The feathers of the rooster and the hen are scratched all over the body. Most roosters and hens have a crest pattern (85.94% and 83.56%) with the main magenta color (87.50% and 91.78%). The skin of the long xuoc chicken feet is lead-colored, and a few are white.

**Keywords:** *Long Xuoc chicken, household, external, crest, food.*

Ngày nhận bài: 21/01/2021

Ngày phản biện đánh giá: 29/01/2021

Ngày chấp nhận đăng: 26/3/2021

**Người phản biện: TS. Hồ Lam Sơn**